TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/HS-PT
Ngày: 28/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1432/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn T và đồng phạm, phạm tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 558/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn T, sinh năm 1997, tại Nam Định; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi thường trú: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở: P tòa S, Chung cư S, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; on ông Phạm Văn T1 vàn bà Đặng Thị P; Vợ là Cao Phương T2; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2023 đến 29/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Mai Văn P1, sinh năm 2001, tại Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi thường trú: Xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Phòng 504, số 6/18/51/83 T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Văn N và bà Cao Thị Y; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2023 đến 01/2/2024, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; vắng mặt.

3. Đoàn Duy A, sinh năm 2001, tại Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi thường trú: Xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số I N, xã T, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp : Lao động tự do; con ông Đoàn Văn T3 và bà: Vũ Thị S; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2023 đến

29/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn Đ, Cao Phương T2 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Toà án không triệu tập đến phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, trong quá trình Phạm Văn T làm dịch vụ chạy quảng cáo trên Internet, T thấy làm giấy phép lái xe giả để bán có lợi nhuận nên đã tìm hiểu và thực hiện làm giả giấy phép lái xe bán cho khách với giá 300.000 đồng/01 giấy phép lái xe giả. Việc làm giấy phép lái xe giả được thực hiện theo các bước:

Bước 1: Phạm Văn T tìm hiểu trên mạng về hình ảnh các giấy phép lái xe ô tô, xe máy của 63 tỉnh thành trên toàn quốc, sau đó sử dụng kiến thức về tin học, sử dụng phần mềm như photoshop, corel, excel… để soi, phóng và xem xét các mẫu chữ ký, con dấu, các thông tin trên giấy phép lái xe để đảm bảo việc in ấn giống như thật.

Bước 2: Phạm Văn T sử dụng mạng xã hội Telegram thuê các cộng tác viên để tìm kiếm khách hàng trên mạng xã hội, các cộng tác viên sẽ thu thập thông tin của khách để chuyển cho T làm giấy phép lái xe giả. Theo thỏa thuận, T sẽ thu về số tiền 300.000 đồng/ giấy phép lái xe giả (sau khi trả tiền công cho các đầu mối). Quá trình thực hiện, Phạm Văn T tìm được 8 đầu mối thu gom khách có tên trong telegram là: Nhóm hàng cấm, Hàng cấm 2, Đối tác, Hàng la tuyến, Báo đơn tổ "A,B,I", TKL, nhóm hàng Bích, T sát hạch số 1. Số đối tượng này T chưa gặp mặt mà chỉ liên lạc qua Telegram nên không biết thông tin về nhóm đối tượng này.

Bước 3: Khi có thông tin của khách, T giao cho vợ là Cao Phương T2 lập danh sách lưu lại trong máy vi tính của T và đẩy danh sách này vào nhóm T4 tên "Hàng Chu Tiên Sư" do T là trưởng nhóm gồm các thành viên: Mai Văn P1, một đối tượng tên M1 (T không rõ thông tin), một đối tượng tên Hoàng C (T không rõ thông tin), trong đó T giao đối tượng tên M1 và Hoàng C thực hiện chỉnh sửa ảnh, làm file thông tin thẻ cứng và hồ sơ giấy phép lái xe; giao cho Mai Văn P1 in thẻ.

Bước 4: Sau khi chỉnh sửa xong ảnh, hồ sơ, T đẩy thông tin của khách hàng lên File "HS" trong máy tính của T để Mai Văn P1 và Đoàn Duy A dùng máy in thẻ hiệu HiTi in giấy phép lái xe giả, dùng máy in màu hiệu Canon in hồ sơ lái xe giả của khách.

Bước 5: T giao P1 và Duy A dán tem hình tròn (tem chống hàng giả) vào mặt sau bên phải, phía dưới của giấy phép lái xe giả và dán nilong vào mặt trước, mặt sau rồi cùng nhau đóng gói vào thùng cát tông, tạo đơn hàng chuyển cho Nguyễn Văn Đ để Đ cho giấy phép lái xe và hồ sơ của từng khách hàng vào trong hộp nhỏ sau đó dán thông tin khách hàng đóng tất cả vào thùng cát tông và

giao đối tượng tên S1 (không rõ thông tin) làm vận đơn để vận chuyển ra bưu điện gửi đến khách hàng.

Để tránh bị phát hiện, T đã lên mạng lấy thông tin căn cước công dân của người có tên Nguyễn Thị L để đăng ký mở tài khoản số 9704229204642069730 tại ngân hàng TMCP Q để giao dịch. Khi khách nhận được giấy phép lái xe giả thì thanh toán cho phía cộng tác viên để các cộng tác viên chuyển lại tiền cho T qua tài khoản Nguyễn Thị L thông qua việc kết nối với ví điện tử.

Về nguồn gốc phôi giấy phép lái xe giả và tem tròn: thông qua bạn học cùng cấp 3 là Nguyễn Hải B, sinh ngày 17/12/1998, trú tại xóm D, xã G, huyện G, Nam Định, Phạm Văn T biết người sử dụng số điện thoại 0898278296 (T không rõ thông tin, lai lịch của người này) có thể bán phôi, tem giả. Sau đó, T tự liên lạc với người này và thống nhất mua với số lượng từ 1000 đến 2000 chiếc với giá từ 30.000 đồng đến 35.000 đồng/cái. T thực hiện thanh toán tiền cho người bán thông qua tài khoản Nguyễn Thị L.

Về cách thức liên lạc giữa các đối tượng: Để tránh bị phát hiện và để lại dấu vết, các đối tượng liên lạc với nhau qua phần mềm Telegram, sau khi giao dịch xong thì xóa hết thông tin, không còn lưu lại trên máy.

Về việc trả tiền cho các nhân viên: Sau khi T thu về số tiền 300.000 đồng/1 giấy phép lái xe giả, T trả tiền công cho Mai Văn P1 và Đoàn Duy A tổng số tiền 30.000 đồng/giấy phép lái xe giả; trả cho Nguyễn Văn Đ số tiền 18.000 đồng/1 giấy phép lái xe giả; trả cho 01 đối tượng tên S1 (là đối tượng làm đơn vận chuyển cho T, hiện không rõ thông tin) số tiền 8.000 đồng/1 bộ giấy phép lái xe giả. Số tiền còn lại vợ chồng Phạm Văn T hưởng lợi.

Về số tiền hưởng lợi: Quá trình làm giấy phép lái xe giả Mai Văn P1, Đoàn Duy A, Nguyễn Văn Đ dùng tiền T trả để mua máy tính, bao tải, giấy, hộp cát tông, băng dính, trả tiền ship… Số tiền còn lại Mai Văn P1, Đoàn Duy A, Nguyễn Văn Đ hưởng lợi. Cụ thể: Mai Văn P1 hưởng lợi 100 triệu đồng, Đoàn Duy A hưởng lợi 50 triệu đồng, Nguyễn Văn Đ hưởng lợi 60 triệu đồng. Phạm Văn T dùng ứng dụng ví điện tử Viettel M để liên kết với tài khoản Nguyễn Thị L khi sao kê nội dung hiển thị chỉ là dãy số được mã hóa. Phạm Văn T xác định sau khi trừ đi các chi phí mua phôi, trả công nhân viên, vận chuyển... số tiền T và Cao Phương T2 hưởng lợi khoảng 120 triệu đồng.

Kết quả ghi lời khai Nguyễn Thị L, sinh ngày 27/5/1993, trú tại Tổ dân phố Đ, TT N, huyện G, tỉnh Nam Định: Nguyễn Thị L khai không mở tài khoản số 9704229204642069730 tại ngân hàng TMCP Q. Về chứng minh nhân dân số 163250574, chị L trình bày hồi còn là sinh viên đại học G đã một lần đánh mất ví trong đó có chứng minh nhân dân số 163250574. Chị L không quen biết và không liên quan đến Phạm Văn T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hải B khai có quen biết Phạm Văn T, tuy nhiên không thừa nhận việc đã gửi thông tin về đối tượng bán phôi giả cho Phạm Văn T, không biết việc Phạm Văn T làm giấy phép lái xe giả. Nguyễn Hải B khai chuyển tiền 14 lần với tổng số tiền 145.012.000 đồng cho Phạm Văn T

thông qua tài khoản Nguyễn Thị L để thanh toán tiền chạy quảng cáo bán thuốc lá điện tử.

Xác minh tại Tổng công ty V xác định: số thuê bao 0898278296 (là đối tượng bán phôi cho T) hiện đang là thuê bao MVNO (mạng di động ảo), không thuộc quản lý của Tổng công ty V nên chưa có thông tin về chủ thuê bao này.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm công nghệ cao - Công an thành phố H về thông tin các tài khoản của 08 cộng tác viên thực hiện thu gom khách hàng cho T sử dụng tài khoản telegram gồm Nhóm hàng cấm, Hàng cấm 2, Đối tác, Hàng la tuyến, Báo đơn tổ "A,B,I", TKL, nhóm hàng B1, Trung Tâm sát hạch số 1 và 02 đối tượng chỉnh sửa ảnh, file cho T sử dụng tài khoản T4 gồm "M1" và "Hoàng Cu" nhưng không có cơ sở xác định thông tin các tài khoản này.

Xác minh tại Công ty V1 về đối tượng tên S1, kết quả: Công ty V1 không có nhân viên tên S1. Do T và S1 chưa bao giờ gặp nhau, chỉ liên lạc qua T5, hình thức chuyển tiền T cho tiền vào phong bì rồi thuê grap mang đến cho S1 tại địa điểm S1 hẹn (mỗi lần hẹn là một địa điểm khác nhau, số điện thoại đều khác nhau) nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Xác minh về người mua giấy phép lái xe giả: Kết quả điều tra xác định, thông tin các giấy phép lái xe giả thu giữ của Phạm Văn T liên quan đến các cá nhân trên 52 tỉnh, thành phố trên cả nước. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, ghi lời khai đối với các khách trên địa bàn thành phố Hà Nội và thực hiện ủy thác điều tra đến Cơ quan An ninh điều tra Công an các tỉnh, các khách giả khai: Qua tìm hiểu trên mạng xã hội thấy quảng cáo hỗ trợ dịch vụ đăng ký hồ sơ trực tuyến, hỗ trợ trong khi thi bằng lái xe nên đã đăng ký và cung cấp thông tin cá nhân để thi cấp giấy phép lái xe, các khách khẳng định không mua giấy phép lái xe giả, không biết Phạm Văn T là ai.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 202 giấy phép lái xe thu giữ của các bị can. Kết quả giám định của Phòng K - Công an thành phố H kết luận:

- Toàn bộ giấy phép lái xe thu giữ của các bị can là giả.

- Hình dấu tròn Sở Giao thông vận tải các tỉnh trên các giấy phép lái xe, các chữ ký tại các mục "Sát hạch viên ký tên"; mục "Giám đốc"; mục " Tổ trưởng"; mục " TM. Hội đồng sát hạch chủ tịch" được tạo bằng phương pháp in phun màu.

Tại cơ quan điều tra, các bị can Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đoàn Duy A, Nguyễn Văn Đ, Cao Phương T2 khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với hành vi của các đối tượng cộng tác viên, đối tượng thực hiện chỉnh sửa ảnh, thông tin giấy phép lái xe, đối tượng làm vận đơn, đối tượng Nguyễn Hải B và kết quả ủy thác điều tra của một số tỉnh, thành phố mà hiện chưa có kết quả, Cơ quan điều tra quyết định tách, rút tài liệu để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 558/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đoàn Duy A phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Phạm Văn T: 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến 29/12/2023.

+ Mai Văn P1: 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến 01/02/2024.

+ Đoàn Duy A: 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến 29/12/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2024 bị cáo Đoàn Duy A có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; ngày 26/9/2024 bị cáo Phạm Văn T và Mai Văn P1 cùng có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T, P1 nhiều lần vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; bị cáo Duy A có mặt giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, đồng thời xuất trình các tài liệu thể hiện: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; Biên lai thu của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; giấy xác nhận ủng hộ 1.000.000 đồng ủng hộ khắc phục bão lũ tại Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; đơn xác nhận bị cáo đã có hành động cứu cháu bé Vũ Phúc M1 bị đuối nước. Hội đồng xét xử còn nhận được tài liệu của bị cáo T, gồm: Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có ông nội họ tên Phạm Công X là liệt sỹ nhưng không có tài liệu chứng minh; bị cáo đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bão, lũ 2.000.000 đồng tại Uỷ ban mặt trận tổ quốc xã G. Tài liệu của bị cáo P1 có văn bản thể hiện ủng hộ 2.000.000 đồng ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đào Duy A1 về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo T 04 (bốn) năm tù; bị cáo P1 03 (ba) năm tù là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; Đối với bị cáo Duy A1 tại phiên tòa phúc thẩm có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như: Đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, giấy xác nhận ủng hộ 1.000.000 đồng ủng hộ khắc phục bão lũ tại Mặt trận tổ quốc

Việt Nam xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; đơn xác nhận bị cáo đã có hành động cứu cháu bé Vũ Phúc M1 bị đuối nước. Bị cáo Duy A1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có vai trò thấp hơn bị cáo T và P1, bị cáo có nghề nghiệp, có nơi cư trú rõ ràng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Duy A1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo Duy A1 được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đoàn Duy A có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt 02 bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2] Những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Hà Nội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Trong năm 2022 đến tháng 5/2023, Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đoàn Duy A, Nguyễn Văn Đ và Cao Phương T2 có hành vi làm giả nhiều giấy phép lái xe ô tô, mô tô để bán cho khách hưởng lợi bất chính. Ngày 05/10/2013, Mai Văn P1, Đoàn Duy A đang bàn giao 202 giấy phép lái xe ô tô, mô tô do các bị can làm giả cho lái xe công nghệ của hãng A2 tại Phòng 502, số nhà F, huyện T, Hà Nội để chuyển đến cho Nguyễn Văn Đ giao cho khách thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Về số tiền hưởng lợi bất chính: Phạm Văn T và Cao Phương T2 hưởng lợi 120 triệu đồng, Mai Văn P1 hưởng lợi 100 triệu đồng, Nguyễn Văn Đ hưởng lợi 60 triệu đồng, Đoàn Duy A hưởng lợi 50 triệu đồng.

[3.2] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, các yếu tố về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; gia đình các bị cáo có công với cách mạng; bị cáo T và bị cáo T2 là vợ chồng, đang phải nuôi con nhỏ; bị cáo T đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Duy A nộp được một phần; để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt và xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 04 năm tù, Mai Văn P1 03 năm tù, Đoàn Duy A 30 tháng tù là tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của cả 03 bị cáo về việc đề nghị được giảm hình phạt.

[5] Xét kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, ông nội bị cáo là liệt sỹ, bị cáo ủng hộ 2.000.000 đồng khắc phục bão lũ. Bị cáo Duy A có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, đã nộp xong số tiền thu lợi bất chính 40.000.000 đồng, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo ủng hộ 1.000.000 đồng khắc phục bão lũ và đơn xác nhận bị cáo có hành động cứu được cháu bé Vũ Phúc M1 bị đuối nước vào năm 2016.

[5.1.1] Bị cáo T là người có vai trò cao nhất vụ trong vụ án, là người khởi xướng, tổ chức phân công các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo cùng vợ là Cao Phương T2 (đã được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo) thu thập thông tin của những khách hàng có nhu cầu làm bằng lái xe giả; rồi thuê Mai Văn P1, P1 lại thuê thêm Đoàn Duy A in ấn, Nguyễn Văn Đ dán tên, địa chỉ của khách trên mỗi bộ hồ sơ để chuyển khách hàng thông qua bưu điện và thu tiền. Bị cáo P1 có vai trò thấp hơn bị cáo T và cao hơn bị cáo Duy A. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ và xử phạt 04 năm tù đối với bị cáo T, 03 năm tù đối với bị cáo P1 là phù hợp với vai trò của 02 bị cáo trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Kiểm sát viên về việc không có căn cứ chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo của bị cáo T, P1 là phù hợp.

[5.2.2] Đối với bị cáo Đoàn Duy A: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm bị cáo luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có vai trò thấp nhất và hưởng lợi ít nhất trong số các bị cáo có kháng cáo; trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã khắc phục nộp xong toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính, án phí hình sự sơ thẩm tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo quyết định của bản án sơ thẩm; có tinh thần vì cộng đồng thông qua việc cứu người đuối nước, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão, lũ, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hiện tại bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, tạo điều kiện để bị cáo lao động có thu nhập, chăm sóc gia đình và phụng dưỡng cha mẹ sức khỏe yếu (cha bị tại nạn, mẹ bệnh kinh niên, gia đình thuộc hộ nghèo, em gái đang học đại học có xác nhận của chính quyền địa phương) như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đoàn Duy A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn T và Mai Văn P1. Chấp nhận kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo Đoàn Duy A. Sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 558/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1, Đoàn Duy A, phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T: 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến 29/12/2023.

+ Xử phạt bị cáo Mai Văn P1: 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến 01/02/2024.

- Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Đoàn Duy A: 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (28/02/2025).

Giao bị cáo Đoàn Duy A cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định tiếp tục theo dõi, giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận bị cáo Đoàn Duy A đã nộp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm tại 02 Biên lai thu tiền số 0066269 ngày 16/09/2024 và 0067691 ngày 07 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn T, Mai Văn P1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đoàn Duy A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ I TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Giao Tân, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh